

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – NINH BÌNH**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2025

V/v: Ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NINH BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bốn.

Ông Phạm Tiến Dũng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Phú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình; “vắng mặt”.

Bị đơn: Chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24-4-2025, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị Lê Thị Kim N tự nguyện tìm hiểu đã được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26-4-2022. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau. Vợ chồng chưa có con chung. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị Kim N; không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại biên bản thu thập, tài liệu chứng cứ ngày ngày 09-5-2025, cơ sở xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cung cấp: Anh Trần Văn H và chị Lê Thị Kim N đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định vào ngày 26-4-2022; vợ chồng chưa có con chung; anh H và chị N không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay anh H có đơn ly hôn chị N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa anh Trần Văn H và chị Lê Thị Kim N. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị Lê Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Lê Thị Kim N tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 26-4-2022 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên đã xảy ra mâu thuẫn. Đối với chị N vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến phản hồi trước yêu cầu ly hôn của anh H; cho thấy bị đơn đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Trần Văn H và chị Lê Thị Kim N mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng ly hôn của anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Anh H và chị N chưa có con chung; anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; Anh H, chị N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Trần Văn H và chị Lê Thị Kim N.

2. Về án phí ly hôn: Anh Trần Văn H phải nộp 300.000 đồng. Anh H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002383 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; anh H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn H và chị Lê Thị Kim N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Giao Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền